

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ – ST.

Ngày: 08-8-2017.

V/v: ly hôn giữa chị L và anh V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thúy Kiên.

2. Bà Thái Ánh Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Khắc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Long Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2016/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2016 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng V (vắng mặt lần 2 không lý do).

Cùng cư trú: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư ông T, văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng V tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 386, quyền số 2/2004 ngày 07/7/2004. Thời gian đầu chung sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc nhưng đến

khoảng năm 2010 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai có sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V không chuyên tâm chăm lo cho gia đình và không có sự tôn trọng, thường xuyên vô cớ đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị nên vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã nhau. Mặc dù chị cũng đã nhiều lần trao đổi, góp ý với anh V để mong tìm ra giải pháp cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng bản thân anh V không có thiện chí sửa đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm và nhận thấy không thể tiếp tục đời sống vợ chồng cùng anh V nên chị yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh V có 02 (hai) con chung tên E – sinh ngày 15/3/2002 và F – sinh ngày 18/7/2005. Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu được nuôi cháu F và đồng ý giao cháu E cho anh V nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh V có vay Ngân hàng thương mại cổ phần H – chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch K địa chỉ 188B, Quốc lộ 91, khu vực M, phường N, quận C, thành phố Cần Thơ với số tiền 1.000.000.000đồng, khi ly hôn vấn đề nợ ngân hàng chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết với ngân hàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án có triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lê Hoàng V đến để tham gia giải quyết vụ án (*thể hiện qua các biên bản tổng đạt, niêm yết tại bút lục số 22, 25, 30-33, 39-42*) nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do. Trên cơ sở anh V vắng mặt, Tòa án tiến hành đến địa phương nơi anh V cư trú để tiến hành xác minh có gặp được anh V. Tuy nhiên, quá trình Tòa án kết hợp với địa phương tiến hành lập biên bản ghi ý kiến đương sự thì anh V có thái độ không hợp tác, không cung cấp lời khai, có lời lẽ xúc phạm cán bộ Tòa án và tự ý bỏ về (*thể hiện qua biên bản không làm việc được với đương sự ngày 03/4/2017- Bút lục số 53*), do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 29/5/2017 (Bút lục 56) bà X trình bày như sau: Bà là mẹ ruột của anh Lê Hoàng V và là mẹ chồng chị Nguyễn Thị Kim L. Trước đây, bà sinh sống cùng với vợ chồng anh V, chị L tại khu vực Y, phường B, quận C. Quá trình chung sống bà biết anh V và chị L có hai người con tên E và F. Khoảng 03 (ba) năm trở lại đây do vợ chồng anh V, chị L thường xuyên xảy ra cự cãi, gây gổ nhau về vấn đề tiền bạc nên cuộc sống gia đình không được đầm ấm, hạnh phúc do đó bà ra cát nhà ở riêng còn vợ chồng V và L chuyển về sinh sống tại khu vực A, phường B, quận C cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 03/4/2017 (Bút lục 52) ông Q – Tổ trưởng tổ nhân dân tự quản Tổ 7 nơi vợ chồng anh V, chị L đang sinh sống cho biết: Do ông sống gần nhà với vợ chồng anh V, chị L nên ông thường thấy anh V và chị L hay gây gổ, đánh đập nhau, nhiều lần được chính quyền địa phương dàn xếp anh V và chị L tiếp tục về chung sống nhưng đều không có kết quả.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ đến các đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để động viên các đương sự bỏ qua mâu thuẫn, trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng nhiều lần anh V không đến nên không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến về đánh giá chứng cứ và đề xuất quan điểm về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Về con chung đề nghị giao cho anh V, chị L mỗi người nuôi 01 con chung theo nguyện vọng của con, cả hai không phải cấp dưỡng. Chị L không đặt vấn đề yêu cầu giải quyết tài sản chung cũng như nợ chung.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Hoàng V.

- Về con chung: Giao con chung E – sinh ngày 15/3/2002 cho anh V và giao con F – sinh ngày 18/7/2005 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Tách phần tài sản chung và nợ chung giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Hoàng V tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L cho rằng quá trình chung sống giữa chị và anh V có sự bất đồng quan điểm, anh V không quan tâm, chăm lo cho gia đình lại còn thiếu sự tôn trọng thường xuyên xúc phạm và còn có hành vi bạo lực đối với chị. Về phía chị cũng đã có nhiều giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị L xác định

không còn tình cảm nên xin được ly hôn với anh V. Về phía anh Lê Hoàng V, từ khi thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự cho anh Lê Hoàng V nhiều lần triệu tập anh V đến tham gia giải quyết vụ án và xét xử nhưng anh V cố tình vắng mặt không lý do và quá trình giải quyết vụ án Tòa án có kết hợp với chính quyền địa phương đến khu vực anh V đang sinh sống để xác minh thì có gặp được anh V nhưng anh V tỏ thái độ không hợp tác, la ó, không chịu cung cấp lời khai mà còn có lời lẽ xúc phạm cán bộ. Mặt khác, để rõ hơn về tình trạng hôn nhân của anh V, chị L quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng có đến địa phương nơi cư trú của anh V để xác minh thì được ông Q – Tổ trưởng tổ nhân dân tự quản Tổ 7 nơi vợ chồng anh V, chị L đang sinh sống và bà X là mẹ ruột anh V cho biết, trong thời gian chung sống thường thấy anh V và chị L xảy ra cự cãi, ấu đả nhau, nhiều lần được chính quyền địa phương dàn xếp anh V và chị L tiếp tục về chung sống nhưng đều không có kết quả; Từ đó, cho thấy mặc dù anh V biết rõ việc chị L gửi đơn xin ly hôn với anh tại Tòa nhưng anh hoàn toàn không có bất cứ ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị L cũng như thể hiện mong muốn được đoàn tụ. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh V, chị L đã thực sự trầm trọng, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không đạt được hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh V theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh V chung sống có 02 (hai) con chung tên E và F. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu được nuôi cháu F và đồng ý giao cháu E cho anh V nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu E và F khi cha mẹ hai cháu ly hôn thì cháu E có nguyện vọng được sống với cha, còn cháu F có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, để ổn định tâm lý, đảm bảo tốt cho quyền L mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của con chung nghĩ nên giao cháu E cho anh V và giao cháu F cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là quyền L của con chung, không phân biệt người nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tại phiên tòa, chị L cho rằng do anh V và chị mỗi người có trách nhiệm nuôi 01 con và chị cũng có khả năng nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với anh V quá trình giải quyết và xét xử vắng mặt nên vấn đề cấp dưỡng sẽ được xem xét trong vụ kiện dân sự khác khi anh V có đơn yêu cầu.

[6] *Về tài sản chung*: Chị L cho rằng sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh V. Tuy nhiên, do anh V vắng mặt nên Hội đồng xét xử nghĩ nên tách phần tài sản chung giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[7] *Về nợ chung*: Chị L cho rằng chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết với Ngân hàng thương mại cổ phần H – chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch K về số tiền 1.000.000.000đồng chị và anh V đã vay ngân hàng. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ đã có văn bản thông báo cho Ngân hàng biết việc chị L yêu cầu ly hôn

với anh V và có ấn định cho Ngân hàng thời hạn để gửi đơn yêu cầu bằng văn bản đối với khoản nợ vợ chồng chị L vay của Ngân hàng nếu như có yêu cầu Tòa án giải quyết chung trong vụ án. Tuy nhiên, hết thời hạn thông báo phía Ngân hàng cũng không có đơn yêu cầu hay ý kiến phản hồi; đồng thời do anh V vắng mặt nên Hội đồng xét xử nghĩ nên tách phần nợ chung giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[8] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Hoàng V.

2. Về con chung: Giao con chung F – sinh ngày 18/7/2005 cho chị L và giao con E – sinh ngày 15/3/2002 cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho anh V, chị L không ai được quyền ngăn cản. Các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Tách phần tài sản chung và nợ chung giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đồng chị L đã nộp theo Biên lai số AB/2013/003276 ngày 17/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND quận C;
- Phòng GĐKT-TANDTP Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án;
- Lưu hồ sơ .

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền